

Bản tin Phân tích kỹ thuật

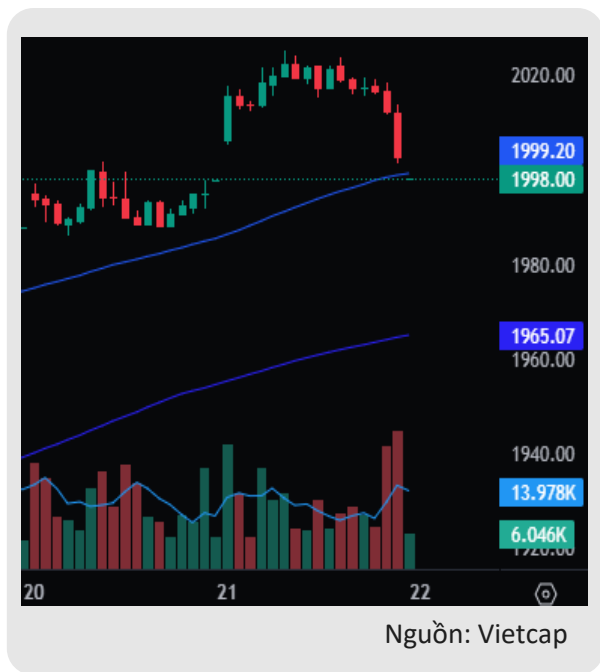
21/04/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 41I1G5000 đóng cửa vi phạm đường MA20 và MA50, tín hiệu giảm xuất hiện với khả năng kiểm định lại vùng giá thấp quanh 1.986 điểm. (M15)
- Khuyến nghị mở vị thế bán trên 41I1G5000 quanh 1.999 điểm với mục tiêu là 1.986 điểm và dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa trên ngưỡng 2.006 điểm.

Chiến lược:

- Bán (S): 1.999 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.986 điểm
- Dừng lỗ (SL): 2.006 điểm

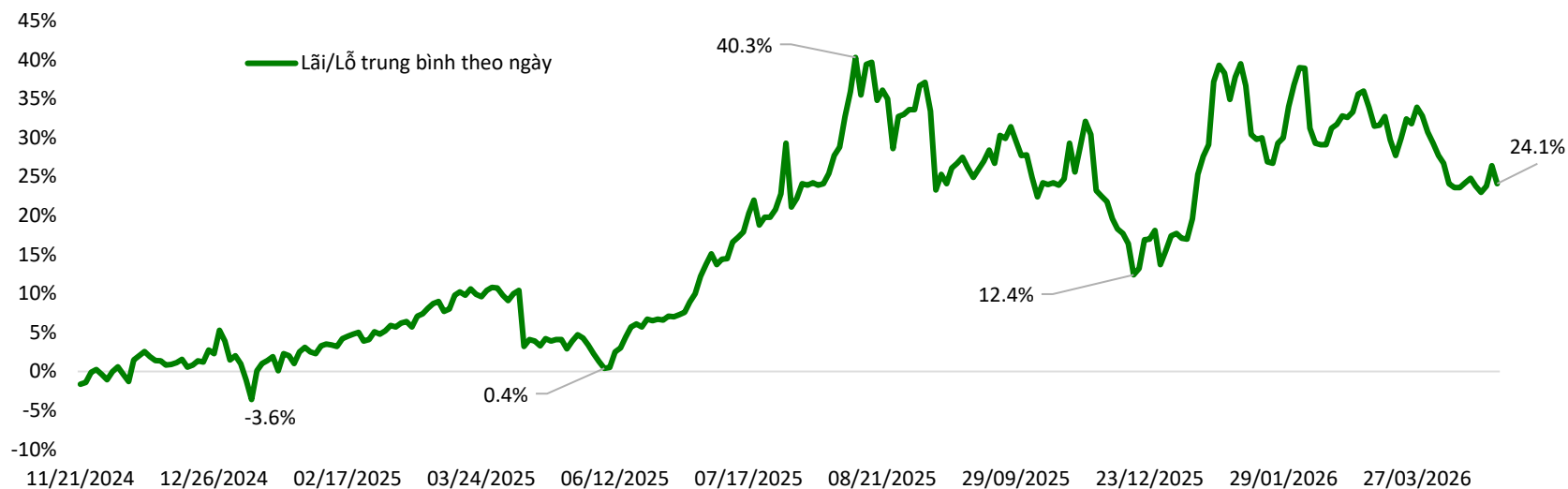
Quan điểm kỹ thuật



- Về hoạt động giao dịch, so với phiên 20/04, áp lực bán lan rộng đáng kể và bao phủ phần lớn các nhóm ngành. Trong đó, lực cung gia tăng rõ hơn tại nhóm Bất động sản, Dầu khí, Hóa chất, Xây dựng & Vật liệu và DV Tiện ích. Ở chiều ngược lại, lực mua tiếp tục mang tính cục bộ và thu hẹp hơn so với phiên trước, chủ yếu xuất hiện tại một số cổ phiếu như Ngân hàng (STB, LPB, EIB), Bất động sản (NVL),...
- Nhịp giảm từ vùng giá cao ở nhóm Vingroup không chỉ gây áp lực lên điểm số mà còn góp phần lan rộng lực bán sang các nhóm ngành khác. Tuy nhiên, theo đánh giá của chúng tôi, nhóm Ngân hàng và Bán lẻ là hai nhóm chịu tác động thấp trong phiên 21/04.
- Về mặt kỹ thuật, tín hiệu tăng của VN-Index vẫn chưa bị phá vỡ và tiếp tục duy trì khả năng hướng lên vùng 1.900–1.920 điểm. Tuy nhiên, áp lực bán ngắn hạn nhiều khả năng sẽ khiến chỉ số điều chỉnh hoặc giảm co trong vài phiên tới, với vùng hỗ trợ gần tại 1.800–1.820 điểm.
- Dựa trên tín hiệu hiện tại, xác suất xuất hiện nhịp tăng trở lại sau khi VN-Index tiếp cận vùng hỗ trợ vẫn cao hơn khả năng hình thành một nhịp giảm sâu xuống dưới mốc 1.800 điểm, do áp lực bán hiện chủ yếu mang tính ngắn hạn và chưa ghi nhận trạng thái đột biến.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
CTD	10/04/2026		Đang mở	81,300	78,000	4.2%	75,100	88,000		
MBB	15/04/2026		Đang mở	26,300	26,600	-1.1%	26,000	28,600		
VPB	20/04/2026		Đang mở	27,550	28,050	-1.8%	27,250	30,500		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	193,700	1.41%	17.04%	1,492,658	5.246	1,468	10.1	132.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
STB	67,700	5.45%	2.42%	127,629	1.730	3,150	2.1	21.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCB	59,600	-0.83%	0.51%	497,998	-1.030	4,210	2.2	14.2	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VPB	27,550	-1.78%	0.73%	218,580	-0.969	3,314	1.3	8.3	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Trung tính
LPB	47,050	2.28%	-1.98%	140,552	0.798	3,738	2.8	12.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FPT	75,100	-2.34%	-1.44%	127,933	-0.744	5,515	3.5	13.6	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
VHM	145,800	0.48%	13.11%	598,861	0.718	10,200	2.5	14.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPL	83,700	-1.88%	4.63%	150,099	-0.700	615	4.1	136.1	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Tích cực
MWG	85,600	-1.95%	4.90%	125,697	-0.608	4,775	3.9	17.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
CTG	34,850	-0.71%	-0.14%	270,678	-0.479	4,455	1.5	7.8	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
BCM	55,600	-2.97%	0.18%	57,546	-0.424	3,383	2.5	16.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SSI	28,300	-2.25%	-1.39%	70,498	-0.393	1,951	2.2	14.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MCH	140,100	-0.85%	0.07%	181,354	-0.383	5,513	10.0	25.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
GEE	188,000	-2.08%	-3.59%	68,808	-0.356	8,918	8.6	21.1	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Trung tính
GVR	32,650	-1.06%	-0.15%	130,600	-0.344	1,330	2.3	24.6	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSF	91,000	-4.31%	9.77%	81,881	-2.094	17,930	4.8	5.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IDC	46,300	-4.14%	-2.94%	17,571	-0.432	5,090	2.7	9.1	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SHS	17,400	-3.87%	-3.87%	15,651	-0.359	1,463	1.2	11.9	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KSV	159,000	-1.55%	0.89%	31,800	-0.292	9,851	6.2	16.1	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MBS	20,000	-1.48%	-3.38%	20,019	-0.176	1,814	2.4	11.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVI	77,000	-1.28%	-1.53%	18,037	-0.137	4,709	2.2	16.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
DTK	11,300	-2.59%	-1.74%	7,715	-0.118	959	0.9	11.8	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CEO	16,900	-1.74%	-1.74%	9,589	-0.099	312	1.5	54.1	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DNP	19,100	-4.02%	-3.54%	2,692	-0.064	1,027	1.2	18.6	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
HUT	16,500	-0.60%	-2.94%	17,627	-0.063	514	1.6	32.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực

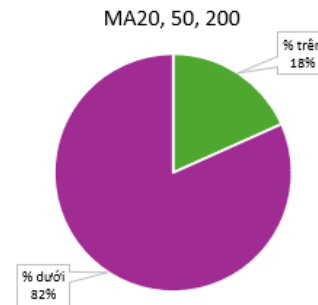
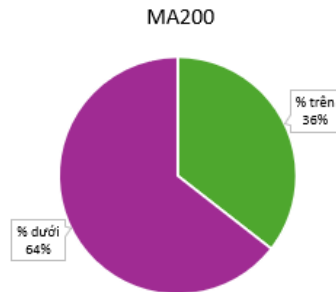
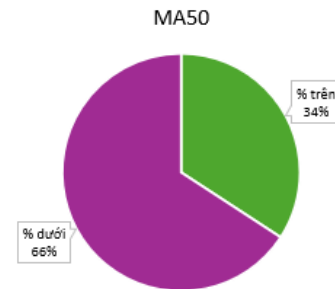
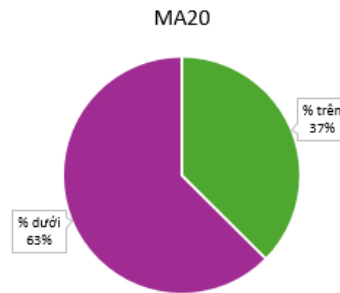
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MSR	44,500	-3.89%	-4.51%	49,389	-0.164	10	4.1	4,371.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
ACV	45,400	-0.87%	-2.16%	162,097	-0.121	3,019	2.3	15.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
SSH	77,000	-3.75%	-1.28%	28,875	-0.093	-1,065	5.2	-72.3	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Trung tính
DNH	45,000	5.63%	21.29%	19,008	0.092	2,166	3.7	20.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
FOX	82,400	-1.67%	0.49%	61,378	-0.088	4,627	5.6	18.0	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VGI	93,200	0.32%	-3.82%	285,957	0.079	3,056	7.0	30.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TIN	164,000	-5.15%	0.49%	14,715	-0.065	15,995	6.0	10.1	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Trung tính
DHB	14,700	15.75%	17.60%	3,997	0.054	40	6.3	368.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PAP	27,900	5.28%	12.50%	9,960	0.045	-2,054	5.1	-13.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MVN	53,500	-0.74%	2.10%	64,881	-0.041	1,622	4.6	33.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	193,700	1.4%	656.6	608.8	29,300	191,000	10.1	132.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCO	14,200	3.6%	7.6	5.9	8,280	14,000	1.2	11.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KDC	47,500	-1.2%	24.1	10.7	47,800	57,619	1.9	26.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	15,500	-0.3%	6.1	6.2	15,550	20,950	0.8	9.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			21/04/2026	20/04/2026	17/04/2026	16/04/2026	15/04/2026	14/04/2026	13/04/2026	10/04/2026
VNINDEX	MA200	Trên	32%	34%	33%	32%	32%	33%	35%	33%
		Dưới	68%	66%	67%	68%	68%	67%	65%	67%
	MA50	Trên	39%	43%	39%	38%	40%	39%	38%	38%
		Dưới	61%	57%	61%	62%	60%	61%	62%	62%
	MA20	Trên	47%	58%	58%	56%	61%	61%	59%	60%
		Dưới	53%	42%	42%	44%	39%	39%	41%	40%
VN30	MA200	Trên	43%	50%	43%	40%	47%	43%	47%	47%
		Dưới	57%	50%	57%	60%	53%	57%	53%	53%
	MA50	Trên	53%	57%	50%	43%	50%	40%	40%	43%
		Dưới	47%	43%	50%	57%	50%	60%	60%	57%
	MA20	Trên	83%	87%	90%	83%	83%	90%	87%	87%
		Dưới	17%	13%	10%	17%	17%	10%	13%	13%
HNX	MA200	Trên	38%	38%	37%	37%	37%	38%	38%	39%
		Dưới	62%	62%	63%	63%	63%	62%	62%	61%
	MA50	Trên	37%	40%	38%	38%	37%	41%	41%	39%
		Dưới	63%	60%	62%	62%	63%	59%	59%	61%
	MA20	Trên	38%	38%	37%	37%	37%	38%	38%	39%
		Dưới	62%	62%	63%	63%	63%	62%	62%	61%
UPCOM	MA200	Trên	32%	32%	33%	33%	34%	34%	35%	34%
		Dưới	68%	68%	67%	67%	66%	66%	65%	66%
	MA50	Trên	31%	31%	32%	32%	33%	33%	33%	33%
		Dưới	69%	69%	68%	68%	67%	67%	67%	67%
	MA20	Trên	36%	36%	36%	37%	37%	38%	38%	38%
		Dưới	64%	64%	64%	63%	63%	62%	62%	62%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 16		Tháng 4															Tháng 3				
		21 +	20	17	16	15	14	13	10	09	08	07	06	03	02	01	31	30	27	26	25
1	Bất động sản	64	66	67	68	67	64	60	63	62	57	47	48	51	53	50	47	48	39	37	34
2	Bán lẻ	63	63	59	57	57	58	55	62	62	55	47	48	50	53	57	54	53	53	50	45
3	Tài nguyên Cơ bản	62	64	58	59	61	54	51	58	57	52	45	45	47	48	48	50	50	46	46	45
4	Du lịch và Giải trí	61	57	57	57	50	45	44	45	47	46	39	38	40	41	38	34	33	31	25	20
5	Xây dựng và Vật liệu	60	61	59	60	64	63	58	62	59	52	43	45	48	52	54	52	50	49	47	42
6	Ngân hàng	57	55	53	53	57	56	53	57	57	50	36	36	35	39	41	37	35	32	32	31
7	Thực phẩm và đồ uống...	57	56	53	52	53	51	52	55	54	50	40	40	36	39	38	38	37	34	33	31
8	Ô tô và phụ tùng	55	53	50	51	52	53	53	52	51	49	45	47	51	50	49	50	50	46	44	39
9	Hàng cá nhân & Gia ...	52	51	49	50	49	51	45	47	51	42	34	34	37	39	41	43	44	45	43	41
10	Dịch vụ tài chính	48	51	51	54	55	54	50	53	56	49	37	34	41	44	39	34	34	34	32	28
11	Hàng & Dịch vụ Côn...	48	45	45	45	48	49	49	52	53	50	45	40	42	44	45	43	41	44	43	39
12	Hóa chất	47	45	40	39	42	41	42	43	42	38	34	37	40	39	38	38	40	43	39	37
13	Điện, nước & xăng d...	43	48	49	49	52	52	53	53	53	54	49	51	52	55	58	59	61	66	67	65
14	Dầu khí	38	37	38	37	38	41	42	39	39	40	38	41	43	44	46	48	49	53	53	52
15	Bảo hiểm	27	32	33	37	42	44	42	50	55	55	51	58	63	61	59	57	57	51	52	48
16	Công nghệ Thông tin	24	24	20	23	26	27	23	26	30	21	15	16	17	18	15	14	16	13	13	12

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	193,700	1.4%	17.0%	1,492,658	10.1	132.0	1,468	656.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	145,800	0.5%	13.1%	598,861	2.5	14.3	10,200	789.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HPG	28,550	0.4%	0.0%	219,135	1.7	14.2	2,013	2,893.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDB	26,700	-0.7%	2.3%	133,641	1.8	7.6	3,501	254.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
STB	67,700	5.5%	2.4%	127,629	2.1	21.5	3,150	964.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MWG	85,600	-1.9%	4.9%	125,697	3.9	17.9	4,775	622.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
MSN	79,000	-1.0%	1.8%	114,227	3.2	29.2	2,710	594.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NVL	17,700	3.2%	3.5%	39,551	0.9	20.0	884	868.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HCM	27,300	-2.3%	5.2%	29,483	2.1	19.8	1,382	398.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ABB	14,900	-0.7%	2.1%	20,802	1.2	5.8	2,589	9.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VPI	60,900	0.2%	4.5%	19,491	3.7	49.9	1,221	503.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
F88	162,800	1.8%	23.5%	18,264	7.5	25.4	6,543	32.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHC	62,300	-0.6%	2.1%	13,983	1.5	9.9	6,319	62.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PHP	35,700	-0.3%	6.3%	11,554	1.9	14.0	2,518	5.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BAF	36,650	0.5%	2.5%	11,142	2.7	83.4	440	143.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTD	81,300	-2.0%	1.9%	9,091	1.0	11.6	7,033	64.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
TOS	187,300	-0.4%	4.4%	8,327	4.0	8.2	22,710	8.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HNG	6,600	0.0%	4.8%	7,221	6.9	-7.3	-890	29.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PAN	32,650	1.1%	4.1%	6,820	1.3	10.1	3,220	43.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
MSH	38,100	0.5%	2.7%	4,287	2.2	7.0	5,456	16.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DCL	36,000	-1.1%	-9.8%	2,629	1.8	134.7	267	22.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSB	16,800	-0.3%	-1.2%	47,796	1.2	8.7	1,938	30.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDC	47,500	-1.2%	-2.8%	13,766	1.9	26.4	1,803	24.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VTP	69,700	-1.6%	-3.5%	12,053	6.8	21.3	3,268	45.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HAH	53,400	-1.3%	-2.9%	9,924	2.2	7.5	7,142	57.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEG	15,000	-1.0%	-2.9%	5,375	1.2	8.9	1,678	18.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VC3	26,300	-0.8%	-0.4%	3,640	2.5	36.1	730	24.3	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
TV2	35,900	-0.7%	-2.8%	2,424	1.9	25.6	1,401	11.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	15,500	-0.3%	-1.9%	2,333	0.8	9.1	1,708	6.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NTL	15,800	-0.6%	-1.6%	1,927	1.2	110.6	143	5.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LAS	16,500	-1.2%	-2.9%	1,862	1.3	11.3	1,455	13.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTF	18,150	-2.4%	0.3%	1,736	1.7	190.5	95	6.1	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PAC	23,100	-1.1%	-6.1%	1,610	1.5	14.6	1,587	12.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTI	22,200	0.0%	-2.8%	1,399	0.9	9.5	2,337	5.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	45,400	-0.9%	-2.2%	162,097	2.3	15.0	3,019	37.6	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
FPT	75,100	-2.3%	-1.4%	127,933	3.5	13.6	5,515	540.0	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
VPX	28,150	-1.7%	-2.3%	52,781	1.5	12.4	2,263	24.9	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
PLX	39,350	-0.3%	-2.0%	49,998	1.9	18.7	2,106	78.7	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
VIX	17,050	-2.0%	-6.1%	41,777	1.9	5.3	3,241	524.7	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
KDH	25,700	-1.2%	-1.9%	28,841	1.6	27.5	936	90.1	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	14,350	0.70%	4.74%	25,500	77.7%	357	1.1	40.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DGC	53,300	0.38%	-5.33%	91,200	71.1%	7,965	1.3	6.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
KDH	25,700	-1.15%	-1.91%	43,700	70.0%	936	1.6	27.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
NLG	28,150	-1.40%	-3.43%	45,800	62.7%	1,805	1.1	15.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
FPT	75,100	-2.34%	-1.44%	116,600	55.3%	5,515	3.5	13.6	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
PVS	38,500	0.52%	-0.26%	58,100	50.9%	3,616	1.3	10.7	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
SZC	28,350	-2.24%	-1.90%	42,400	49.6%	1,309	1.6	21.7	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BMI	15,500	-0.32%	-1.90%	23,100	49.0%	1,708	0.8	9.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	44,300	-4.22%	-6.04%	64,100	44.7%	3,130	2.3	14.2	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SSI	28,300	-2.25%	-1.39%	40,800	44.2%	1,951	2.2	14.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVT	22,100	2.55%	1.14%	30,800	39.4%	2,208	1.2	10.0	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Trung tính
PLC	23,100	-1.28%	-2.53%	31,900	38.1%	334	1.5	69.2	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VPB	27,550	-1.78%	0.73%	38,000	37.9%	3,314	1.3	8.3	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Trung tính
ACG	33,950	-0.15%	1.04%	45,800	34.9%	3,342	1.2	10.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
ACB	23,750	-0.84%	-1.04%	32,000	34.7%	3,042	1.3	7.8	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Trung tính
BWE	43,700	-0.57%	0.23%	58,700	34.3%	4,506	1.6	9.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
GEX	40,300	-1.59%	-1.83%	54,000	34.0%	1,638	2.1	24.6	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
MBB	26,300	-0.19%	-1.50%	35,000	33.1%	3,325	1.6	7.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HDC	18,500	-1.07%	-2.12%	24,600	33.0%	3,199	1.3	5.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
SAB	45,150	-0.77%	0.00%	59,000	30.7%	3,449	2.7	13.1	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn